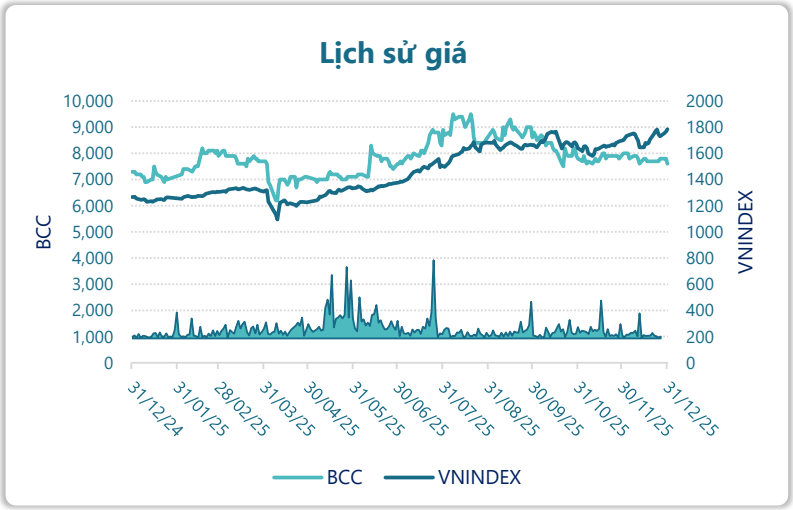
FireAnt

CTCP Xi măng Bỉm Sơn (HNX: BCC)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**7,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,200
SL cổ phiếu LH	123,209,812
KLGD BQ 20 phiên (CP)	42,705
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	936
P/E	31.0
EPS	245

DT thuần

Q4/25

980

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 100| 11.3%

YoY: ▼5.00| -0.5%

LN sau thuế

Q4/25

33.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 44.2| 413%

YoY: ▼6.40| -16.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

1.6%

+/- YoY: ▲ 0.8%

DT thuần

2025

3,696

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 208| 6.0%

LN sau thuế

2025

25.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 33.6| 413%

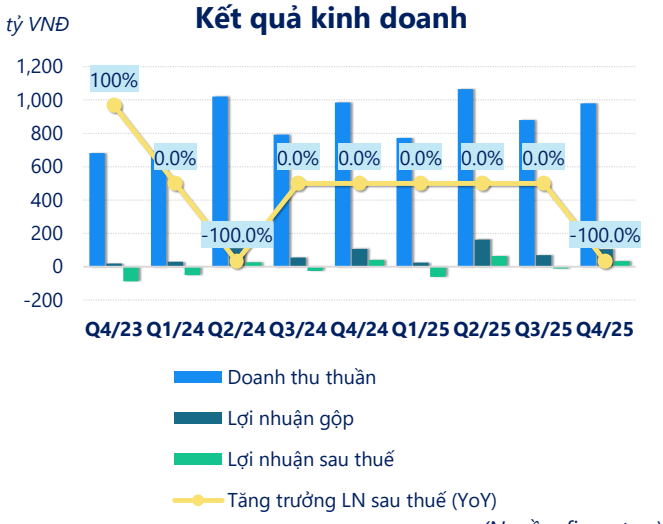
ROE

2025

1.7%

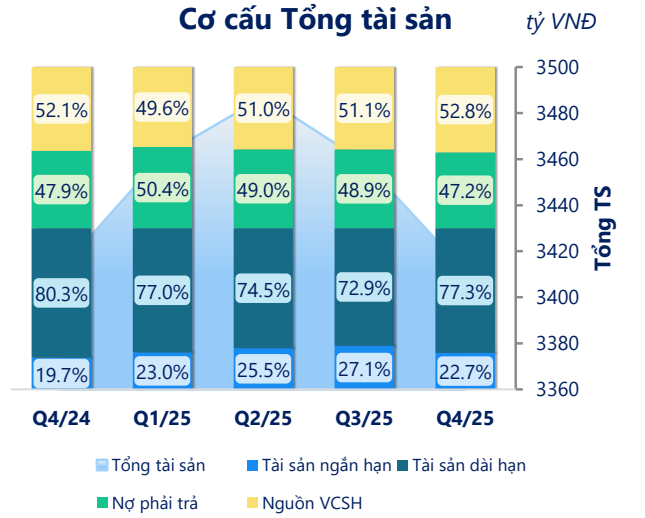
+/- YoY: ▲ 2.0%

Kết quả kinh doanh



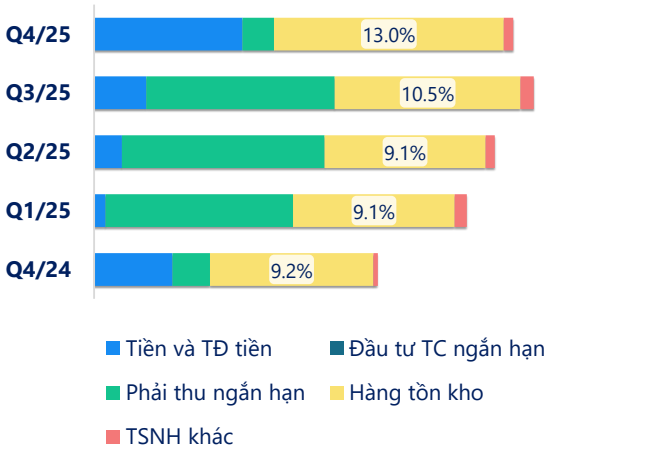
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



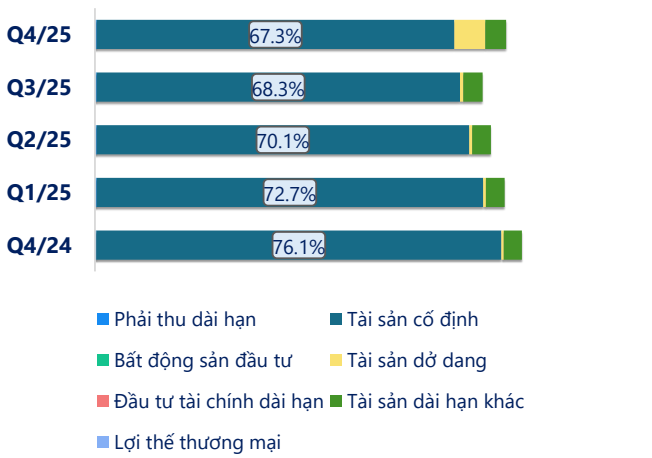
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



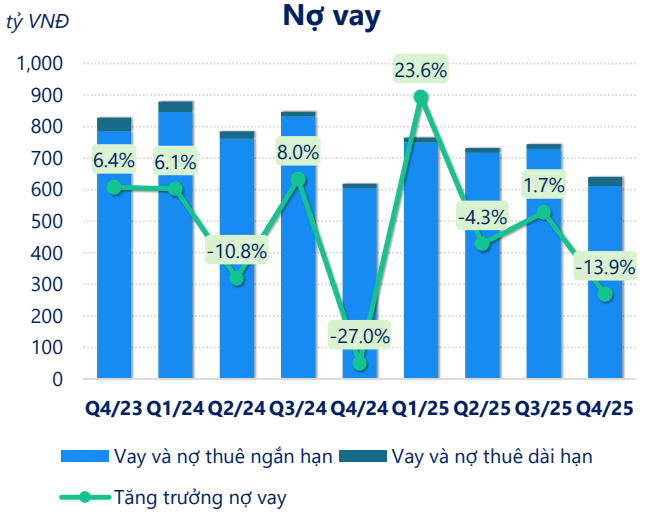
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



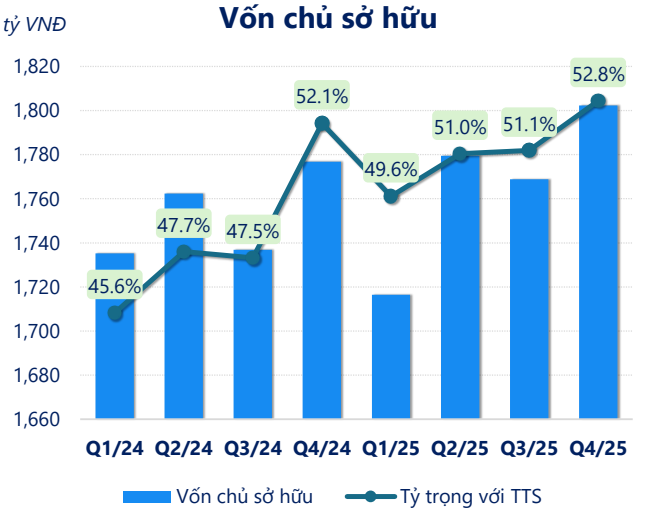
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



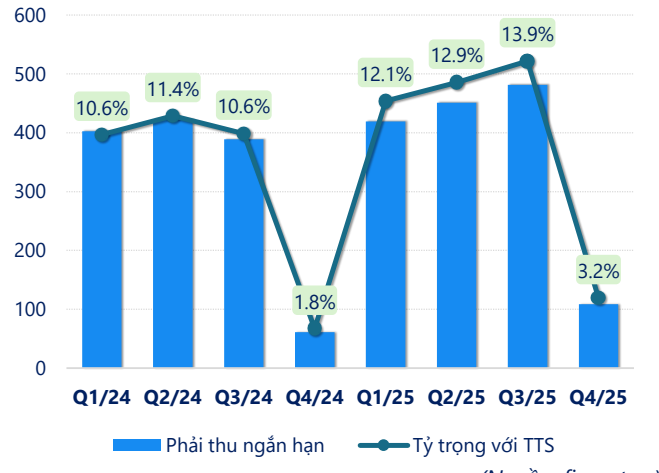
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



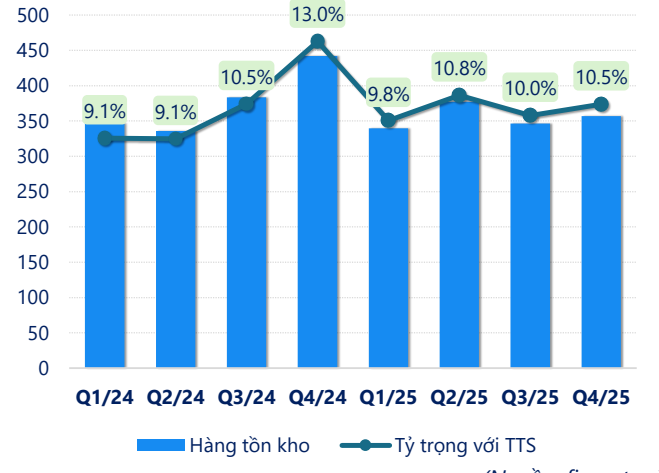
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



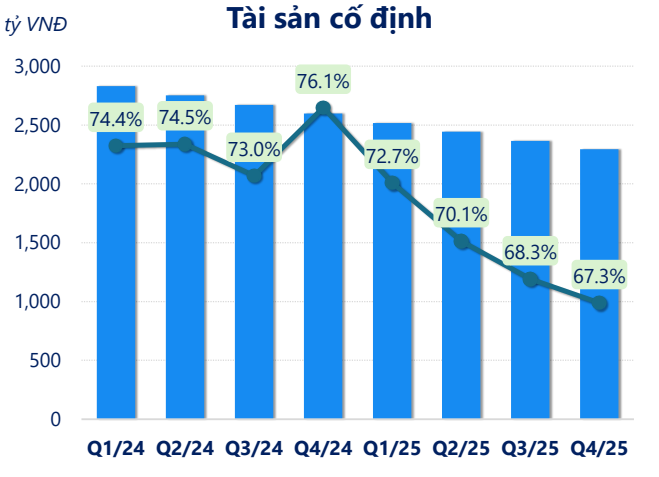
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



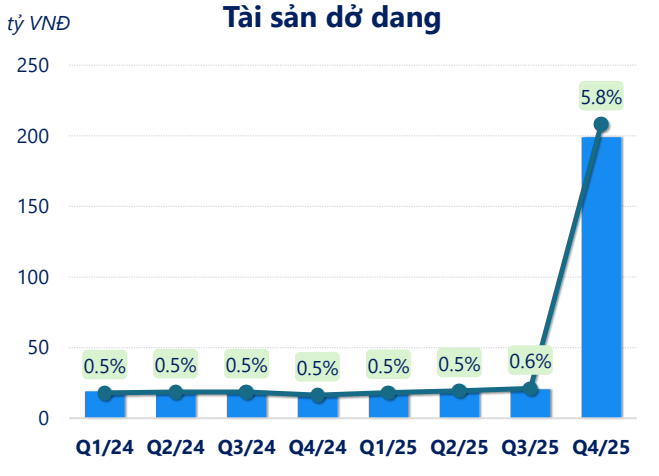
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



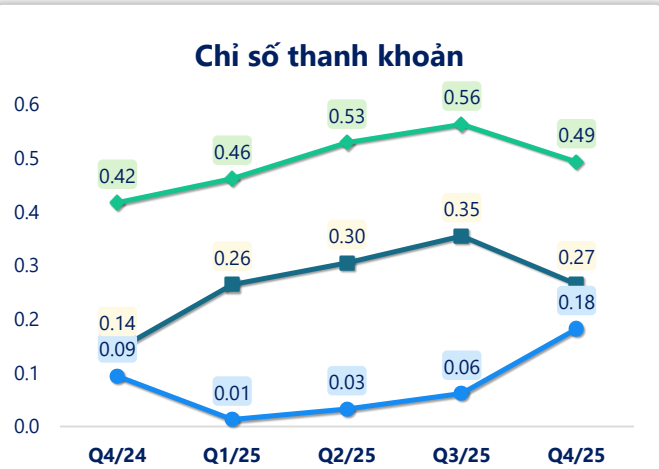
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



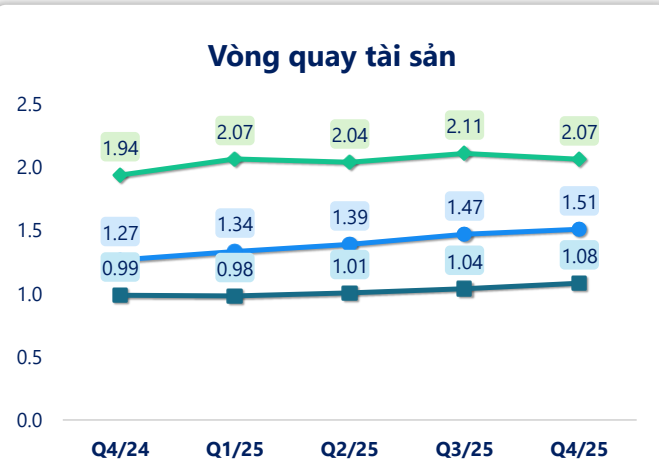
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**3,412**	**3,461**	**3,487**	**3,459**	**3,411**
Tài sản ngắn hạn	**672**	**795**	**890**	**937**	**773**
Tiền và tương đương tiền	151	22.5	54.7	102	285
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	61.1	419	451	481	109
Hàng tồn kho	442	340	377	346	357
Tài sản ngắn hạn khác	18.5	13.4	7.20	7.50	22.4
Tài sản dài hạn	**2,740**	**2,667**	**2,597**	**2,522**	**2,638**
Phải thu dài hạn	9.67	10.4	10.4	10.4	10.4
Tài sản cố định	2,598	2,517	2,443	2,364	2,295
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	15.6	17.6	19.0	20.5	199
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	117	122	124	127	134
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,636**	**1,745**	**1,707**	**1,690**	**1,609**
Nợ ngắn hạn	**1,612**	**1,721**	**1,683**	**1,665**	**1,570**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	604	749	717	729	611
Phải trả người bán ngắn hạn	725	720	709	638	682
Nợ dài hạn	23.9	24.4	24.6	24.8	39.5
Vay và nợ thuê dài hạn	15.0	15.2	15.2	15.2	29.7
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,777**	**1,716**	**1,780**	**1,769**	**1,802**
Vốn chủ sở hữu	**1,777**	**1,716**	**1,780**	**1,769**	**1,802**
Vốn điều lệ	1,232	1,232	1,232	1,232	1,232
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)